

Số: 402 /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014



Ký - A. Minh (Phụ)  
- P. Đào tạo  
- K. T. Anh

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành đề cương môn học Tiếng Anh C1

### GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP, ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 3079/QĐ-ĐHQGHN, ngày 26 tháng 10 năm 2010, được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 685/QĐ-ĐHQGHN, ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này đề cương môn học Tiếng Anh C1, mã số: FLF1109.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí và thay thế cho quyết định số 1327/QĐ-ĐT, ngày 29/4/2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo và Thủ trưởng các đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, T20.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Kim Sơn

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**  
**TIẾNG ANH C1, MÃ SỐ FLF1109**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 402 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 10 tháng 02 năm 2014  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

**1. Thông tin về giảng viên**

Giảng viên Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**2. Thông tin chung về môn học**

- Tên môn học: **Tiếng Anh C1**
- Mã môn học: **FLF1109**
- Số tín chỉ: **5**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 75 giờ tín chỉ
  - + *Lý thuyết*: 30
  - + *Thực hành*: 37
  - + *Tự học*: 08
- Môn học: **Bắt buộc**
- Môn học tiên quyết: **Tiếng Anh B2, mã số FLF1108**
- Địa chỉ khoa phụ trách môn học: **Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.**

**3. Mục tiêu môn học**

**3.1. Mục tiêu chung**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Hiểu được nhiều kiểu văn bản dài, khó và nắm bắt được hàm ý;
- Diễn đạt ý mình một cách trôi chảy, tức thì mà không phải quá vất vả tìm từ;
- Sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt, hiệu quả cho các mục đích xã hội, học tập và chuyên môn;
- Tạo ra các văn bản rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc tốt về các chủ đề phức tạp, cho thấy khả năng kiểm soát tốt các hình thức sắp xếp ý, các liên từ và phương tiện liên kết.

**3.2. Mục tiêu cụ thể**



### 3.2.1. Về kiến thức ngôn ngữ

#### **Ngữ âm**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Thay đổi ngữ điệu để diễn đạt nhiều lớp nghĩa;
- Đặt trọng âm câu chính xác để diễn đạt nhiều lớp nghĩa.

#### **Ngữ pháp**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Thường xuyên đạt được sự chuẩn xác trong ngữ pháp;
- Hiếm khi mắc lỗi và các lỗi cũng khó nhận ra.

#### **Từ vựng**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Sử dụng vốn từ rộng và biết sử dụng lối nói vòng để diễn đạt những từ chưa biết, không để lộ ra việc đang cố gắng tìm từ hay việc sử dụng các thủ pháp né tránh;
- Sử dụng thành thạo các thành ngữ và ngôn ngữ đời sống hàng ngày;
- Đôi khi còn mắc lỗi do sơ xuất, nhưng không có lỗi từ vựng nào nghiêm trọng.

### 3.2.2. Về các kỹ năng ngôn ngữ

#### **Kỹ năng đọc**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Hiểu được những bài đọc dài, phức tạp với nội dung có hoặc không liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của mình nhưng vẫn cần đọc lại những đoạn khó;
- Hiểu được nhiều kiểu thư tín và đôi khi mới cần dùng đến từ điển;
- Đọc lướt nhanh qua các bài khoá dài và phức tạp, xác định được vị trí của các thông tin cần tìm kiếm;
- Nhanh chóng xác định được nội dung và độ phù hợp của các bản tin, bài báo và báo cáo về nhiều chủ đề chuyên môn khác nhau, để từ đó quyết định xem có đáng tiến hành các nghiên cứu sâu hơn hay không;
- Hiểu được nhiều dạng bài đọc dài, phức tạp hay gặp trong cuộc sống xã hội, công việc và học tập, xác định được những ý hàm ẩn, bao gồm cả thái độ được thể hiện ngầm và ý kiến được nêu rõ của người viết;

- Hiểu được một cách chi tiết các chỉ dẫn dài, phức tạp cho một loại máy hay một quá trình mới, cho dù chỉ dẫn đó có hoặc không thuộc chuyên môn của người đọc nhưng vẫn cần đọc lại những đoạn khó.

### **Kỹ năng nghe**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Hiểu đủ tốt để có thể theo dõi các ngôn bản dài về các chủ đề trừu tượng và phức tạp không nằm trong chuyên môn, mặc dù còn chưa rõ ở một số điểm, nhất là khi gặp những giọng nói không quen;
- Nhận ra được nhiều thành ngữ và ngôn ngữ hàng ngày,
- Hiểu được việc chuyển đổi văn phong;
- Theo dõi các ngôn bản dài ngay cả khi ngôn bản đó không được cấu trúc rõ và mối liên hệ chỉ là ‘ngầm’ mà không được chỉ rõ ra;
- Dễ dàng theo dõi các trao đổi phức tạp giữa các bên thứ ba trong thảo luận và tranh luận, ngay cả khi chủ đề có tính trừu tượng, phức tạp và không quen thuộc;
- Theo dõi được hầu hết các bài giảng hay cuộc thảo luận, tranh luận một cách dễ dàng;
- Nắm bắt được những thông tin cụ thể từ những thông báo công cộng có âm thanh bị lẫn tạp âm như trong nhà ga, sân vận động,...;
- Hiểu được những thông tin kỹ thuật phức tạp, như là những chỉ dẫn vận hành hay những thông số chi tiết cho các sản phẩm và dịch vụ thông dụng;
- Hiểu được nhiều loại tư liệu ở dạng thu âm và phát sóng, kể cả khi ngôn ngữ được sử dụng không chuẩn; nắm được các yếu tố phức tạp hơn, bao gồm cả hàm ý và quan hệ giữa những người nói.

### **Kỹ năng nói**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Miêu tả và trình bày rõ ràng, chi tiết về các chủ đề phức tạp, lồng ghép các chủ điểm phụ, phát triển ý cụ thể và chốt lại vấn đề bằng một kết luận hợp lý;
- Diễn đạt ý mình một cách trôi chảy và nhanh chóng một cách tương đối dễ dàng;



- Có vốn từ vựng rộng và có khả năng giải thích những từ không biết một cách dễ dàng;
- Hầu như không để lộ ra việc đang phải tìm kiếm từ hay việc sử dụng các kỹ thuật né tránh; chỉ những chủ đề khó về mặt khái niệm mới làm cản trở việc sử dụng ngôn ngữ tự nhiên và trôi chảy;
- Giao tiếp một cách tức thì, thường xuyên cho thấy khả năng diễn đạt trôi chảy, dễ dàng ngay cả khi phải nói một đoạn dài với độ phức tạp cao;
- Giải thích một cách rõ ràng, chi tiết khi gặp những chủ đề phức tạp;
- Thực hiện các thông báo một cách tương đối trôi chảy, sử dụng trọng âm và ngữ điệu để diễn tả các hàm ý một cách chính xác;
- Trình bày rõ ràng, có bố cục tốt về một chủ đề phức tạp, biết mở rộng và bổ sung quan điểm trong một thời gian dài với các ý phụ, lý do và dẫn chứng phù hợp;
- Xử lý các tình huống khi bị chen ngang ngay lập tức một cách tương đối dễ dàng;
- Hiểu một cách chi tiết những lời nói về các chủ đề trừu tượng, phức tạp có tính chuyên ngành không phải sở trường của bản thân, mặc dù đôi lúc phải xác nhận lại một vài chi tiết, nhất là khi chưa quen với kiểu giọng nói.

### **Kỹ năng viết**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Viết được các văn bản về các chủ đề phức tạp được yêu cầu một cách rõ ràng, có kết cấu tốt, tạo điểm nhấn cho các vấn đề chính, mở rộng và bổ sung các quan điểm với độ dài nhất định bằng các ý phụ, các lý do và ví dụ phù hợp; biết chốt lại vấn đề bằng một kết luận phù hợp;
- Viết được các bài miêu tả rõ ràng, có bố cục và khai triển ý tốt; biết viết văn tưởng tượng bằng một giọng văn tạo được ấn tượng trong tâm trí người đọc về sự tự tin, dấu ấn cá nhân và văn phong tự nhiên của người viết;
- Viết các bài bình luận về các chủ đề phức tạp một cách rõ ràng, có cấu trúc tốt, nhấn mạnh các điểm chính một cách hợp lý;
- Mở rộng và bổ sung quan điểm với độ dài nhất định bằng các ý phụ và ví dụ phù hợp;

- Thể hiện quan điểm một cách rõ ràng và chính xác, kể lại cho người khác một cách linh hoạt và hiệu quả;
- Diễn đạt ý mình với độ rõ ràng và chính xác trong các thư từ cá nhân, sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và hiệu quả, bao gồm cả cách sử dụng lối nói truyền cảm, bóng gió hay bông đùa;
- Ghi lại các tin nhắn trao đổi, các yêu cầu hay giải trình một vấn đề;
- Ghi chú để truyền đạt các thông tin tới bạn bè, những người làm dịch vụ, thầy cô và người khác, truyền tải được một cách dễ hiểu những điểm mà mình cho là quan trọng;
- Ghi chép chi tiết khi nghe giảng về một vấn đề ưa thích, ghi lại thông tin một cách chính xác và sát với văn bản.

### **3.2.3. Các nhóm kỹ năng khác**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Làm việc theo nhóm một cách hiệu quả;
- Tìm kiếm và khai thác thông tin từ các nguồn tham khảo để phục vụ cho việc học tập môn học;
- Phát triển tư duy logic, tư duy phân tích tổng hợp cũng như tư duy phê phán.

### **3.3. Mục tiêu về thái độ**

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học;
- Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu các tài liệu bổ trợ hoặc các tài liệu trên mạng Internet;
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, lịch làm việc và nộp bài đúng hạn;
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử;
- Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà;
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp;
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và với giảng viên;
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

## **4. Tóm tắt nội dung môn học**

*Môn học Tiếng Anh C1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp về:*



- Các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh nâng cao ở dạng tích hợp một cách hệ thống thông qua các dạng thức văn bản mẫu theo quy chuẩn và văn phong học thuật;
- Những từ vựng được sử dụng trong các chủ đề xã hội chuyên sâu nhưng khá quen thuộc như nền giáo dục hiện đại, các vấn đề toàn cầu, xu thế thời đại, ...;
- Nguyên tắc phát âm, trọng âm với từ, cụm từ và câu trong các hoạt động nói bao gồm hội thoại và trình bày về một chủ đề cụ thể;
- Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng nâng cao.

### 5. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Các tiêu mục
<b>Nhập môn</b>	- Giới thiệu chương trình học (mục tiêu, nội dung, giáo trình, kiểm tra - đánh giá môn học) - Định hướng phương pháp học môn học Tiếng Anh C1
<b>Nội dung 1:</b>  <b>Leisure Activities</b>	- <b>Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> + Đọc: Tiếp cận bài đọc, đọc lướt lấy ý chính, đọc quét tìm từ khóa. + Nói: Cung cấp thông tin cá nhân; thông tin phụ; sắp xếp bài nói - <b>Các dạng bài làm:</b> + Đọc: Ghép tiêu đề với đoạn; hoàn thành tóm tắt; trả lời ngắn; + Nói: Giới thiệu và phỏng vấn
<b>Nội dung 2:</b>  <b>Education</b>	- <b>Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> + Nghe: Dự đoán những gì sắp nghe; tuyệt đối tuân thủ hướng dẫn; xác định từ khóa và cách diễn đạt đồng nghĩa. + Viết: Hiểu các thông tin được minh họa; viết mở bài; sắp xếp ý phần thân bài; so sánh các loại đồ thị. - <b>Các dạng bài làm:</b> + Nghe: Hoàn thành biểu mẫu, câu hỏi lựa chọn. + Viết: Miêu tả đồ thị dạng thanh, biểu đồ hình tròn và bảng biểu.
<b>Nội dung 3:</b>  <b>Technology</b>	- <b>Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> + Đọc: Xác định thông tin trong bài đọc; liên kết hình ảnh minh họa với bài đọc. + Nói: Giới thiệu chủ điểm; diễn đạt quan điểm; so sánh và đối chiếu thông tin.

Nội dung	Các tiêu mục
	<p>- <b>Các dạng bài làm:</b>            + Đọc: Gắn nhãn đồ hình; hoàn thành bảng biểu; phân loại.            + Nói: Thảo luận hai chiều.</p>
<p><b>Nội dung 4:</b> <b>The Workplace</b></p>	<p>- <b>Các kĩ năng ngôn ngữ:</b>            + Nghe: Xác định từ định hướng; theo một miêu tả.            + Viết: Nhận diện các hướng tiếp cận bài viết; viết đoạn mở đầu; trình bày, chứng minh, thể hiện sự bất đồng quan điểm; viết kết luận.</p> <p>- <b>Các dạng bài làm:</b>            + Nghe: Hoàn thành lưu đồ; gắn nhãn đồ hình.            + Viết: Trình bày quan điểm trái chiều.</p>
<p><b>Nội dung 5:</b> <b>Climate and the Environment</b></p>	<p>- <b>Các kĩ năng ngôn ngữ:</b>            + Đọc: Phân tích ý; nhận diện cách diễn đạt đồng nghĩa.            + Nói: Miêu tả, giải thích; dự đoán; trình bày ý tưởng rõ ràng.</p> <p>- <b>Các dạng bài làm:</b>            + Đọc: Yes/ No/ Not Given; Hoàn thành câu.            + Nói: Thảo luận hai chiều.</p>
<p><b>Định hướng kĩ năng làm bài thi</b></p>	<p>- Giới thiệu dạng bài kiểm tra số 1 và 2            - Luyện tập từng dạng bài và rút ra cách làm bài thi đạt kết quả cao            - Kỹ năng tự luyện tập và khai thác thông tin</p>
<p><b>Nội dung 6:</b> <b>Globalisation</b></p>	<p>- <b>Các kĩ năng ngôn ngữ:</b>            + Nghe: Nghe và viết cùng lúc; nhận dạng các lựa chọn “gây nhiễu”            + Viết: Miêu tả xu hướng; miêu tả tiến trình.</p> <p>- <b>Các dạng bài làm:</b>            + Nghe: Phân loại; hoàn thành câu; hoàn thành bản ghi nhớ.            + Viết: Miêu tả đồ thị, biểu đồ.</p>
<p><b>Nội dung 7:</b> <b>Communication</b></p>	<p>- <b>Các kĩ năng ngôn ngữ:</b>            + Đọc: Nhận diện thông tin gây nhiễu, xác định các quan điểm.            + Nói: Hình ảnh hóa ngữ cảnh; nêu giả thuyết, dự đoán và đánh giá</p> <p>- <b>Các dạng bài làm:</b>            + Đọc: Câu hỏi lựa chọn; True/ False/ Not Given            + Nói: Thảo luận hai chiều.</p>



Nội dung	Các tiêu mục
<b>Nội dung 8:</b> <b>Growth and Development</b>	<p>- Các kĩ năng ngôn ngữ:</p> <p>+ Nghe: Nhận dạng và sử dụng các đặc trưng của bài nói. + Viết: Quyết định cách viết, củng cố bài viết bằng ví dụ.</p> <p>- Các dạng bài làm:</p> <p>+ Nghe: Câu trả lời ngắn; câu hỏi lựa chọn; hoàn thành câu. + Viết: Trình bày quan điểm trái chiều.</p>
<b>Nội dung 9:</b> <b>Test Review</b>	<p>- Các phần thi cụ thể của bài thi. - Các dạng bài phổ biến trong các bài thi. - Chữa bài và rút ra các điểm lưu ý.</p>
<b>Ôn tập</b>	<p>- Hệ thống toàn bộ kiến thức đã học từ đầu - Ôn lại các dạng bài trong định dạng bài thi - Lưu ý về kỹ năng làm bài thi</p>

## 6. Học liệu

### 6.1. Học liệu bắt buộc

1. Hallows, R., Lisboa, M. & Unwin, M. (2006), *IELTS Express Upper-Intermediate, Coursebook*, Thompson ELT: Italy
2. Hallows, R., Lisboa, M. & Unwin, M. (2006), *IELTS Express Upper-Intermediate, Workbook*, Thompson ELT: Italy

### 6.2. Học liệu bổ trợ

1. Duigu, G. (2002). *Visuals*. Academic English Press: Australia.
2. Duigu, G. (2002). *Essay writing for English tests*. Academic English Press: Australia.
3. Oshima. A & Hogue. A. (1996). *Writing Academic English*. 3<sup>rd</sup> Ed. Longman: London
4. O'Connell, S. (2006). *Focus on IELTS*. Pearson Longman: London
5. Other IELTS materials to reach band 6,0 – 7,0: to be provided by teachers.
6. Websites:
  - <http://a4esl.org/>
  - <http://englishteststore.net/>

- <http://www.esolcourses.com/>
- <http://www.ihbristol.com/free-english-exercises/esol>
- <http://www.iteslj.org/links>
- <http://www.learnenglish.org.uk>
- <http://www.world-english.org/>
- [www.bbc.co.uk](http://www.bbc.co.uk)
- [www.englishclub.com](http://www.englishclub.com)
- [www.esl.cafe.com](http://www.esl.cafe.com)
- [www.world-english.org](http://www.world-english.org)

### 7. Hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức môn học		
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Nhập môn	2	2	1
Nội dung 1	2	2	0.5
Nội dung 2	2	2	0.5
Nội dung 3	2	2	0.5
Nội dung 4	2	2	0.5
Nội dung 5	2	2	0.5
Nội dung 6	2	2	0.5
Định hướng kỹ năng làm bài thi	4	4	1
Nội dung 7	2	2	0.5
Nội dung 8	2	2	0.5
Nội dung 9	4	3	0.5
Ôn tập	4	5	0.5
Kiểm tra	0	7	1
<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	<b>37</b>	<b>8</b>



## 8. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác

*Sinh viên cần:*

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học;
- Tham dự đầy đủ các buổi học và bài kiểm tra số 1 và 2; nếu sinh viên nghỉ quá 20% số buổi học sẽ không được phép tham dự bài kiểm tra kết thúc học phần;
- Nộp các bài thực hành viết cho giảng viên một tuần sau khi sinh viên được giao bài;
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập về nhà theo hướng dẫn.

## 9. Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả môn học

### 9.1. Hình thức, mục đích, tỉ trọng các bài kiểm tra đánh giá

Hình thức	Mục đích kiểm tra	Trọng số
Bài kiểm tra tiến độ số 1	Đánh giá khả năng của sinh viên ở kỹ năng Ngữ pháp-Từ vựng- Đọc hiểu	20 %
Bài kiểm tra tiến độ số 2	Đánh giá khả năng của sinh viên ở kỹ năng Nói, trình bày ý tưởng và thảo luận.	20 %
Bài kiểm tra kết thúc học phần	Đánh giá khả năng của sinh viên ở kỹ năng Nghe-Đọc-Viết.	60 %

**Chú ý:**

- Điểm môn học quy về thang điểm 10. Có thể lấy điểm lẻ, làm tròn đến 1 số thập phân. Ví dụ 7.3.
- Dạng thức của bài kiểm tra tiến độ và bài kiểm tra kết thúc học phần theo quy định của trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

### 9.2. Lịch thi, kiểm tra

STT	Hình thức kiểm tra, đánh giá	Thời gian
1	Bài kiểm tra tiến độ số 1	Tuần 8
2	Bài kiểm tra tiến độ số 2	Tuần 12
3	Bài kiểm tra kết thúc học phần	Từ 1 - 4 tuần sau khi kết thúc môn học